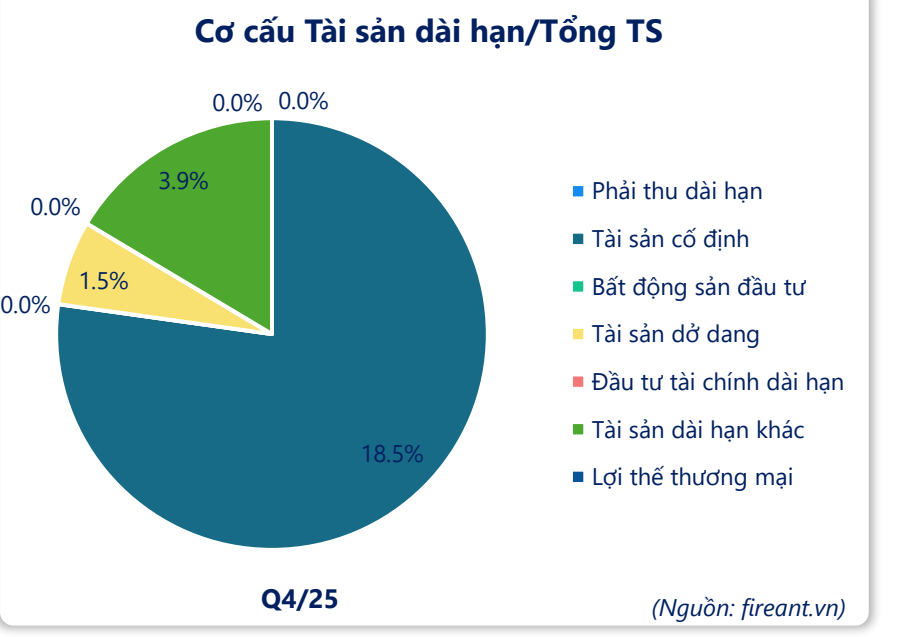
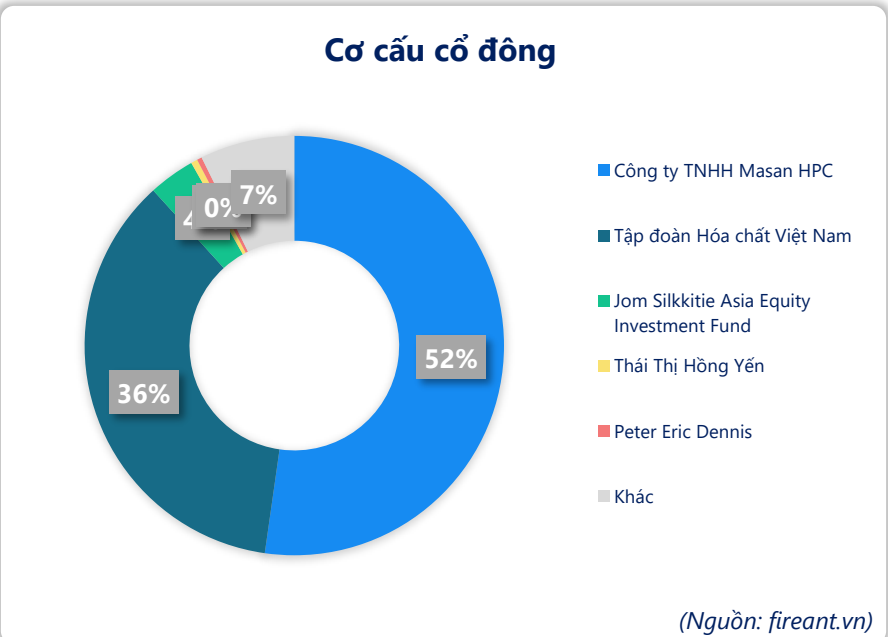
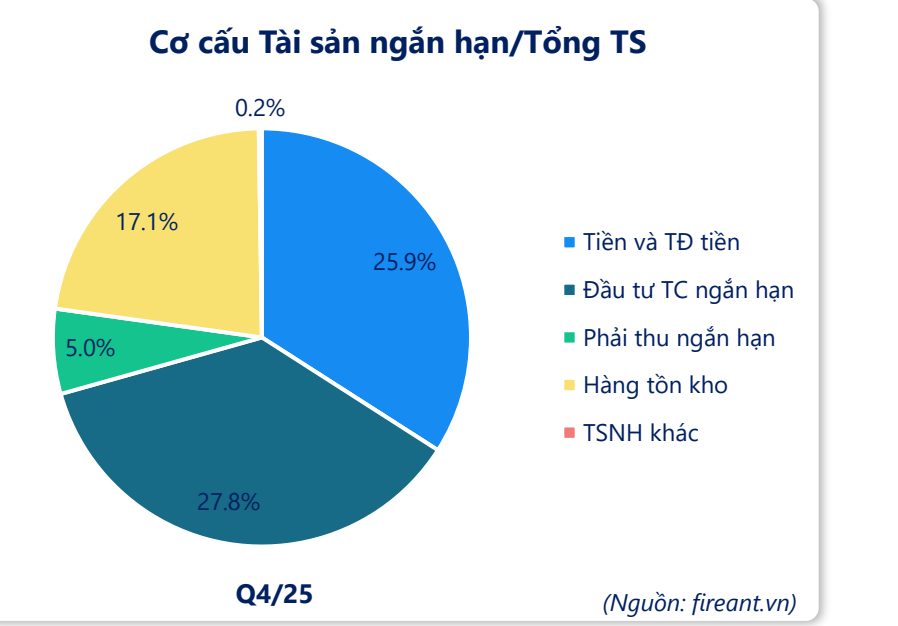
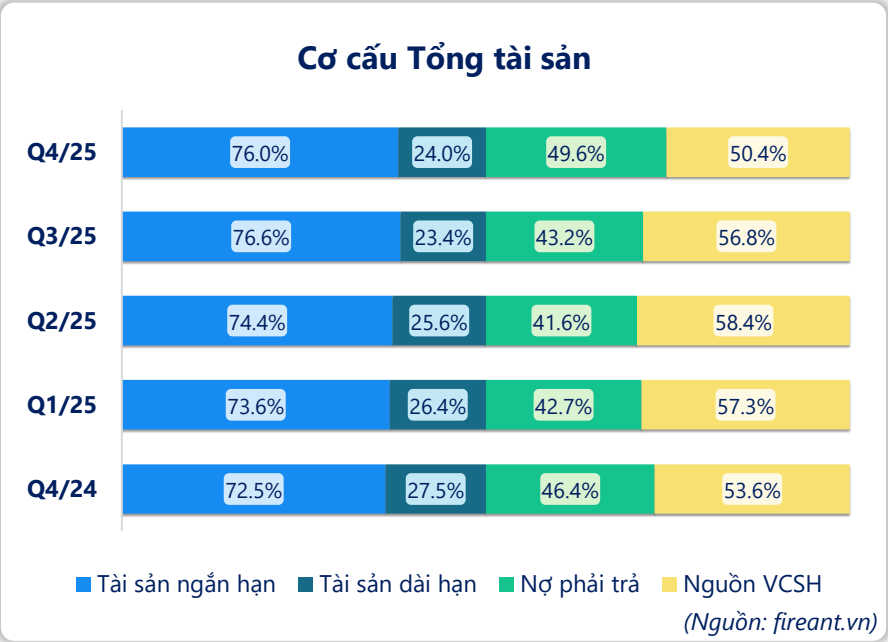
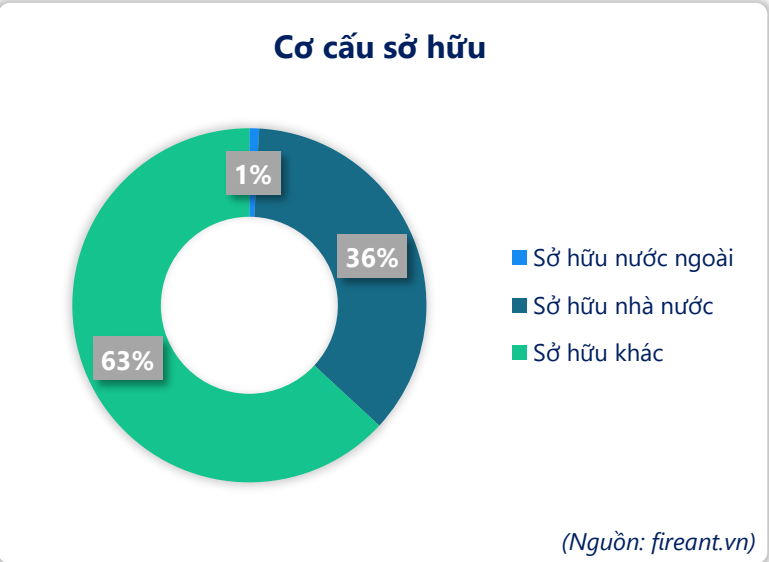
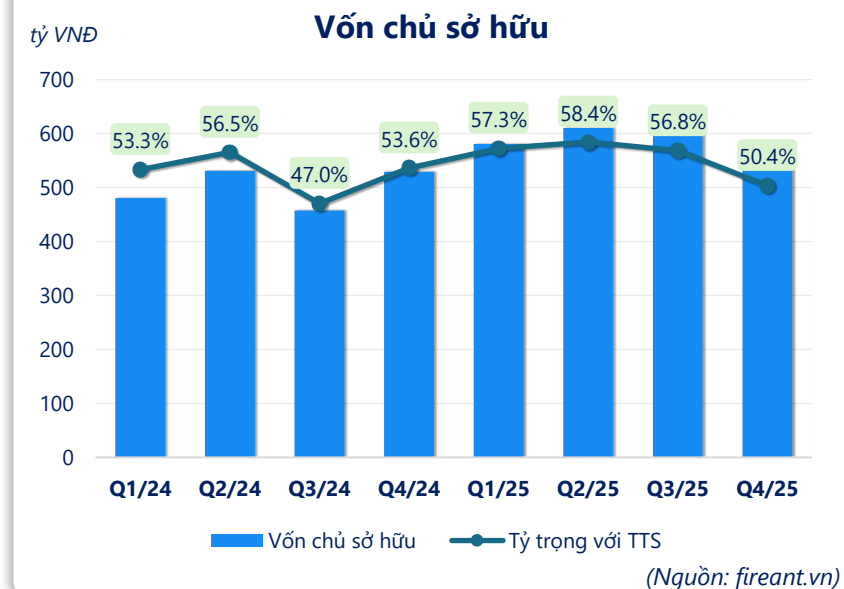
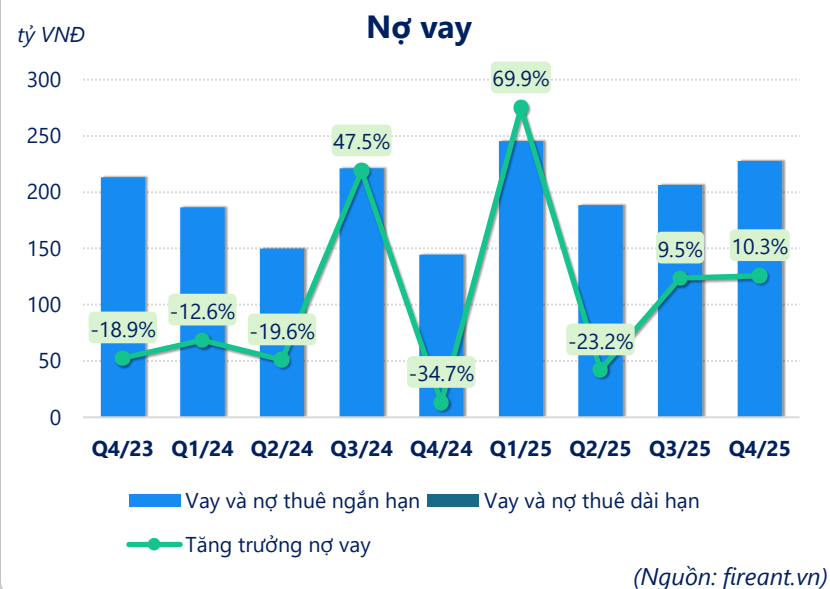
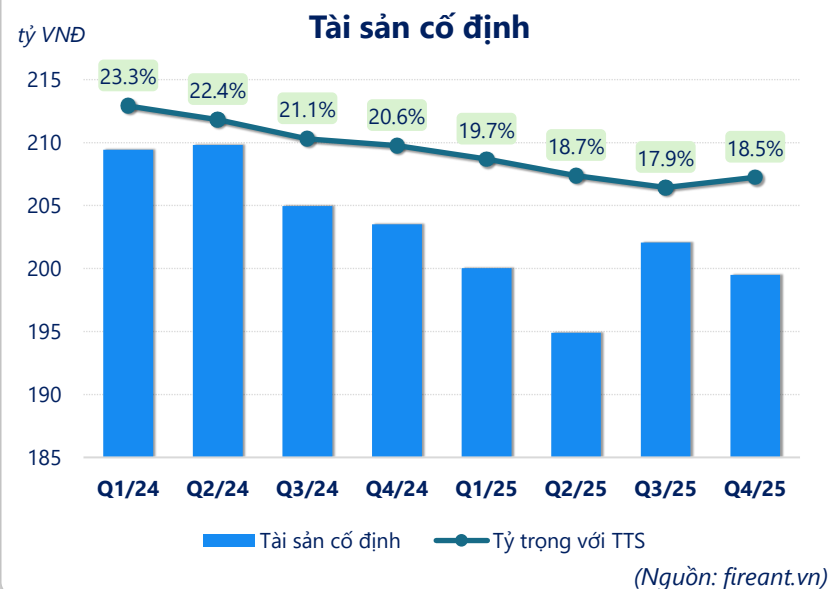
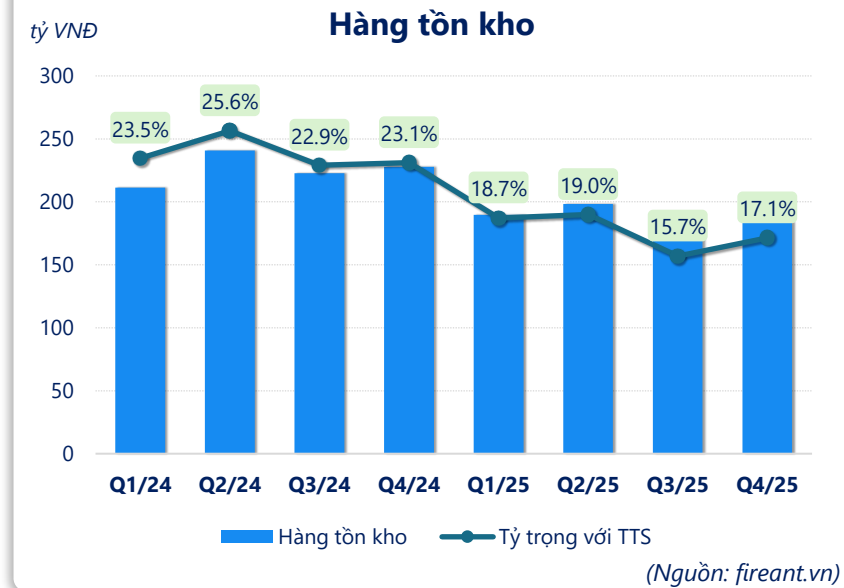
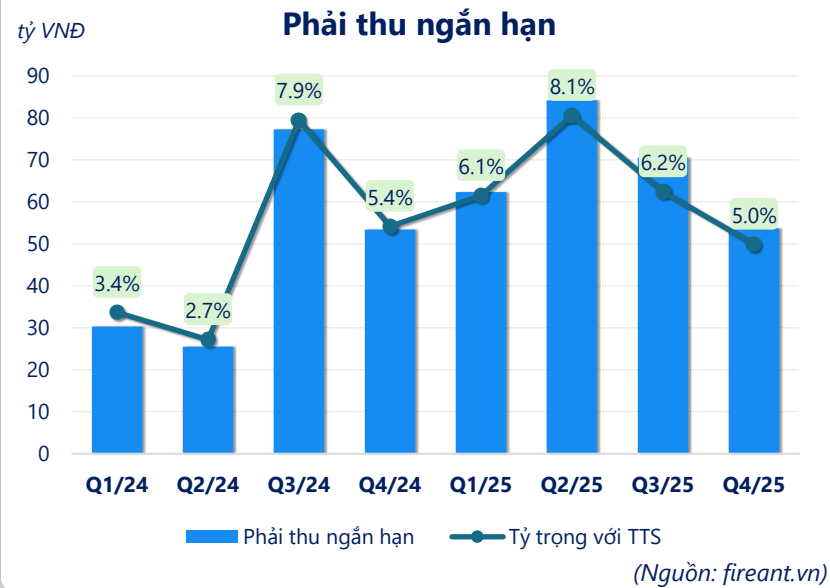
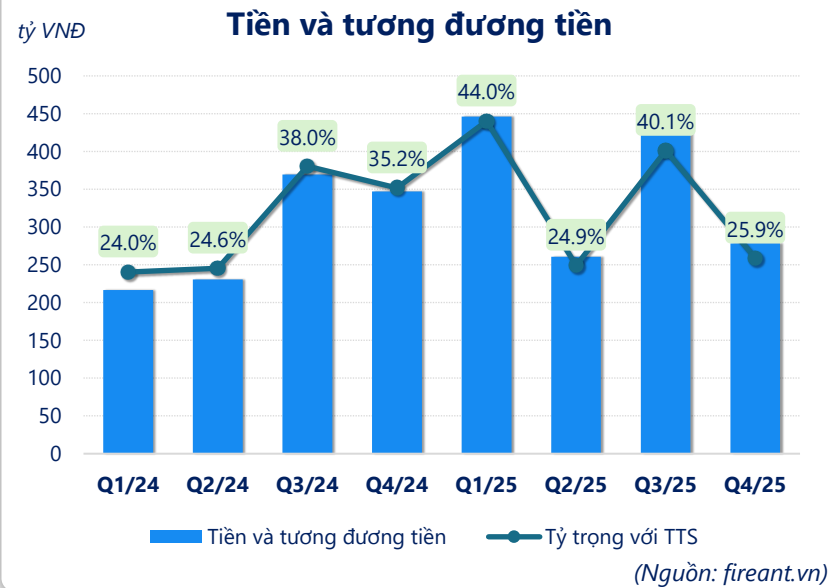
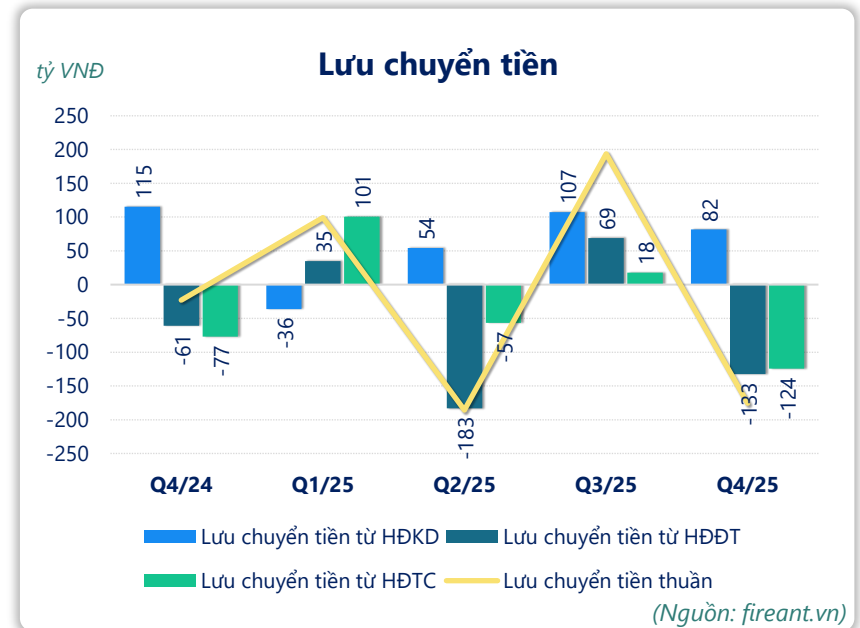
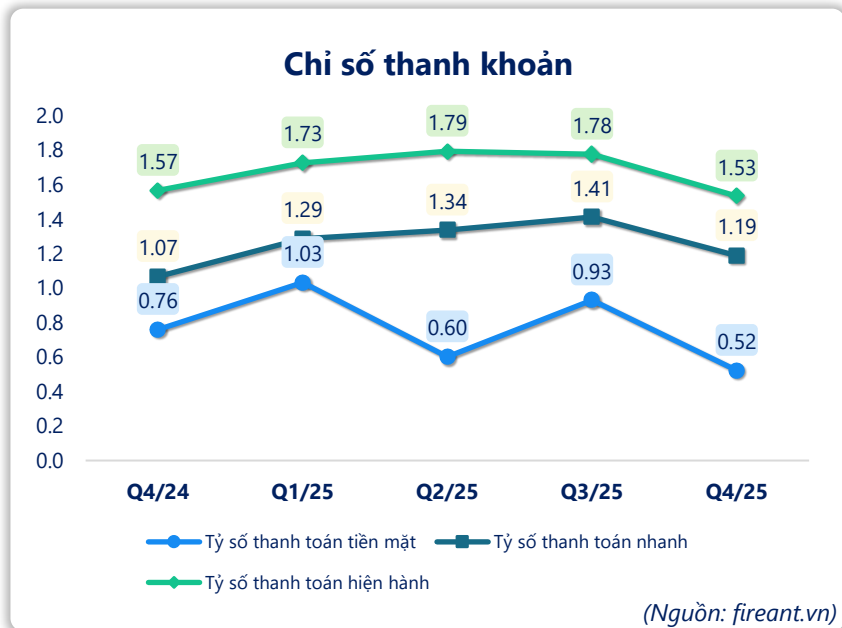
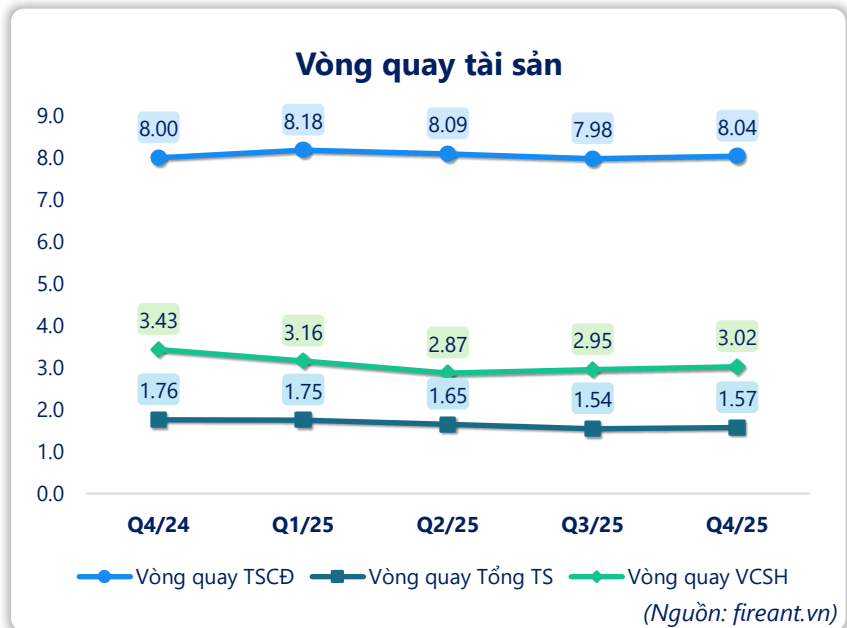
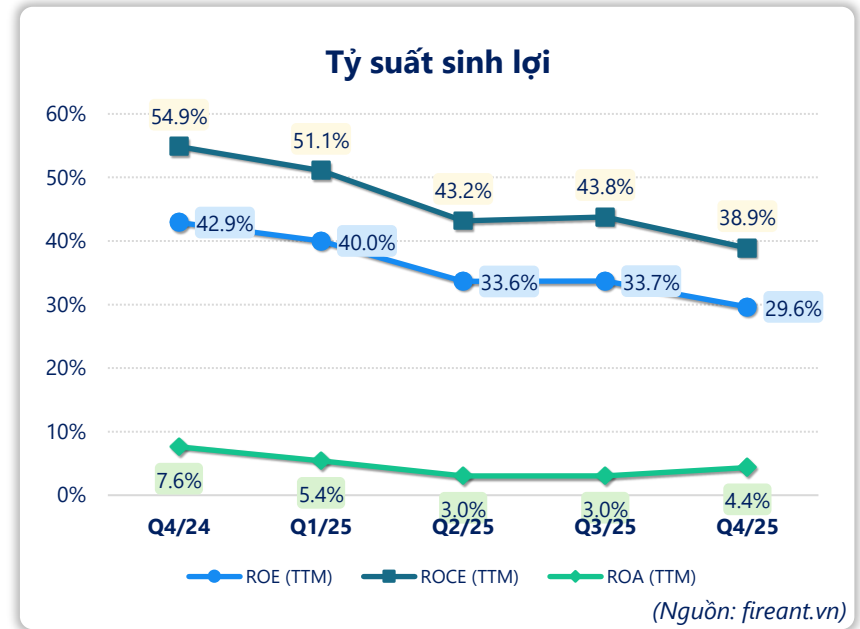
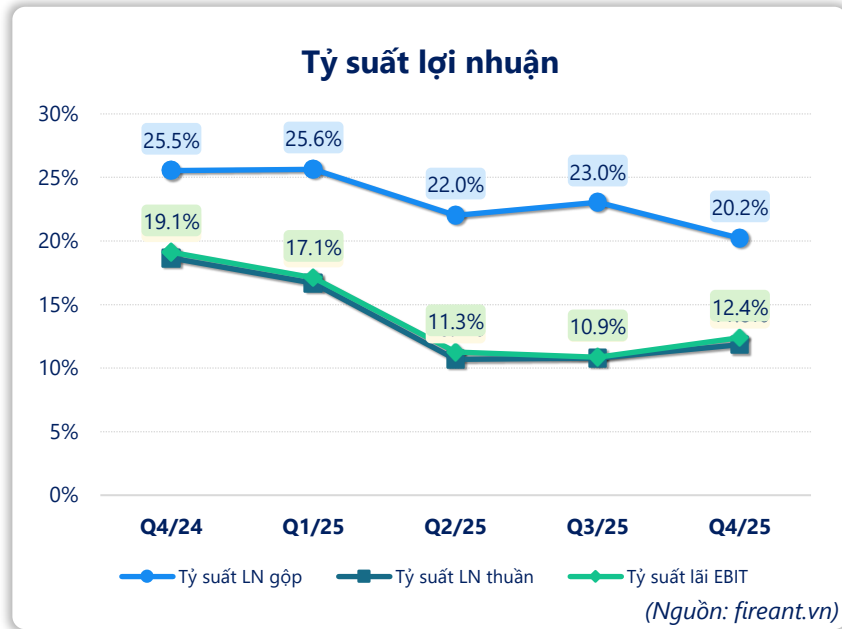
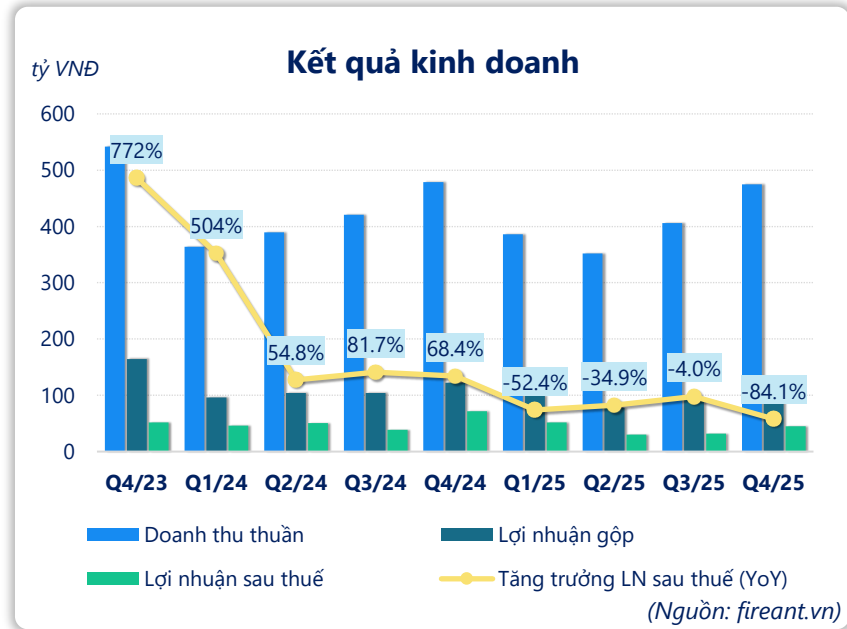


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		67,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		80,614
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		67,400
SL cổ phiếu LH		22,398,374
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,825
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,519
P/E		9.6
EPS		7,085

	YTD	1T	3T	6T
NET	-4.7%	-1.3%	-3.8%	-9.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,076	986	9.1%
Tài sản ngắn hạn	818	715	14.4%
Tiền và tương đương tiền	279	347	-19.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	299	85.1	251%
Phải thu ngắn hạn	53.7	53.4	0.5%
Hàng tồn kho	184	228	-19.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.97	1.64	20.2%
Tài sản dài hạn	258	271	-4.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	199	204	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	4.17	-100%
Tài sản dở dang	16.4	11.9	38.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	42.5	51.9	-18.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	534	457	16.8%
Nợ ngắn hạn	533	456	16.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	228	144	57.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	230	209	9.9%
Nợ dài hạn	1.02	1.10	-6.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	542	529	2.5%
Vốn chủ sở hữu	542	529	2.5%
Vốn điều lệ	224	224	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	479	386	352	406	475
Giá vốn hàng bán	357	287	275	313	379
Lợi nhuận gộp	122	99.0	77.5	93.5	95.9
Doanh thu HĐTC	5.28	4.94	5.94	7.18	7.01
Chi phí TC	3.57	2.30	2.81	2.73	2.74
Chi phí lãi vay	2.09	1.66	2.00	2.31	2.62
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	26.7	31.0	34.6	47.6	35.8
Chi phí QLDN	8.00	6.26	8.48	6.49	8.17
LN thuần từ HĐKD	89.4	64.4	37.6	43.9	56.2
Lợi nhuận khác	0.09	0.04	0.00	-2.08	0.02
LN trước thuế	89.4	64.4	37.6	41.8	56.3
Lợi nhuận sau thuế	71.6	51.5	30.1	32.0	45.0
LNST của CĐ cty mẹ	71.6	51.5	30.1	32.0	45.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	115	-36.3	54.4	107	81.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-61.1	34.8	-183	68.7	-133
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-77.0	101	-56.7	17.8	-124
Tiền đầu kỳ	370	347	446	260	454
Lưu chuyển tiền thuần	-23.0	99.3	-186	194	-175
Ảnh hưởng tỷ giá	0.13	0.03	0.04	-0.07	-0.01
Tiền cuối kỳ	347	446	260	454	279

(Nguồn: fireant.vn)